

QUYẾT ĐỊNH

Công khai tình hình thực hiện các khoản thu năm học 2023-2024

Căn cứ Quyết định số 3591/QĐ-SGDĐT ngày 20/10/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2593/QĐ-SGDĐT ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Xét đề nghị của Tổ trưởng Tổ Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện các khoản thu năm học 2023-2024 của trường THPT Cô Tô

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Các ông (bà) Tổ trưởng Tổ chuyên môn, tổ Văn phòng, Trưởng các bộ phận, các ông (bà) có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu văn thư, kế toán.



Nguyễn Hải Phòng

QUYẾT ĐỊNH

Ngày 15 tháng 05 năm 2024 tại Văn phòng Công ty

Chúng tôi, Ban Giám đốc Công ty Trường Thịnh Cổ Phần, sau khi xem xét và thảo luận kỹ lưỡng về các đề xuất và báo cáo của các phòng ban, nhất là về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty trong quý I năm 2024, đã có những quyết định như sau:

1. Về kế hoạch kinh doanh quý II năm 2024: Ban Giám đốc phê duyệt kế hoạch kinh doanh quý II năm 2024 do Phòng Kinh doanh đề xuất, đảm bảo đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra.

2. Về bổ sung nhân sự: Ban Giám đốc đồng ý bổ sung thêm 02 nhân sự vào các vị trí: Chuyên viên Kinh doanh và Kế toán, ưu tiên ứng viên có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao.

3. Về chi phí quảng cáo: Ban Giám đốc phê duyệt ngân sách chi phí quảng cáo quý II năm 2024 là 50 triệu đồng, được phân bổ cho các kênh truyền thông đã được đề xuất trong kế hoạch kinh doanh.

QUYẾT ĐỊNH

Đã được thông qua tại Hội đồng Giám đốc Công ty Trường Thịnh Cổ Phần.

Chức vụ và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Giám đốc

Đã được thông qua tại Hội đồng Giám đốc Công ty Trường Thịnh Cổ Phần.



BIÊN BẢN

VỀ VIỆC NIÊM YẾT CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2023-2024

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2593/QĐ-SGDĐT ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

I. Thời gian: 15^h 00' ngày 20 tháng 12 năm 2023

II. Địa điểm: Văn phòng trường THPT Cô Tô

III. Thành phần:

- Hiệu trưởng: Ông Nguyễn Hải Phòng;
- Đại diện Công đoàn: Bà Dương Thị Huyền Chiêm;
- Trưởng ban thanh tra nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng;
- Kế toán: Bà Hoàng Lệ Dung;
- Thư ký: Bà Lý Thị Ngân

IV. Nội dung:

1. Quyết định công khai tình hình thực hiện các khoản thu năm học 2023-2024;
2. Biểu các khoản thu năm học 2023-2024.

Hình thức công khai: Niêm yết tại phòng Hội đồng và bản tin nhà trường.

Thời gian niêm yết: Từ 20/12/2023 đến hết ngày 20/01/2024.

Trong quá trình niêm yết, tập thể cá nhân nào có ý kiến xin gửi về đồng chí Hiệu trưởng hoặc kế toán nhà trường để được trả lời.

Công việc niêm yết được thực hiện xong lúc 15h30' cùng ngày.

Biên bản được lập thành 02 bản và lưu tại THPT Cô Tô .

Chữ ký của các thành viên trong Hội đồng:

Dương Thị Huyền Chiêm:.....*Dương Thị Huyền Chiêm*
Nguyễn Thị Thúy Phượng:.....*Nguyễn Thị Thúy Phượng*
Hoàng Lệ Dung:.....*Hoàng Lệ Dung*
Lý Thị Ngân:.....*Lý Thị Ngân*

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hải Phòng

BIÊN BẢN

**Về việc thôi niêm yết công khai tình hình thực hiện
các khoản thu năm học 2023-2024**

I. Thời gian: 16^h 00' ngày 20 tháng 01 năm 2024.

II. Địa điểm: Văn phòng trường THPT Cô Tô

III. Thành phần:

- Hiệu trưởng: Ông Nguyễn Hải Phòng;
- Đại diện Công đoàn: Bà Dương Thị Huyền Chiêm;
- Trưởng ban thanh tra nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng;
- Kế toán: Bà Hoàng Lệ Dung;
- Thư ký: Bà Lý Thị Ngân.

IV. Nội dung:

Đơn vị thực hiện việc thôi niêm yết công khai tình hình thực các khoản thu năm học 2023-2024, trong thời gian niêm yết trường THPT Cô Tô không nhận được thông tin phản hồi nào về:

1. Quyết định công khai tình hình thực hiện các khoản thu năm học 2023-2024;
2. Biểu các khoản thu năm học 2023-2024

Việc tháo dỡ niêm yết công khai tình hình thực hiện Biểu các khoản thu năm học 2023-2024 hoàn thành vào 16^h30' cùng ngày.

Biên bản được lập thành 02 bản và lưu tại THPT Cô Tô.

Chữ ký của các thành viên trong Hội đồng:

Dương Thị Huyền Chiêm:.....*Dương Thị Huyền Chiêm*.....

Nguyễn Thị Thúy Phượng:.....*Nguyễn Thị Thúy Phượng*.....

Hoàng Lệ Dung:.....*Hoàng Lệ Dung*.....

Lý Thị Ngân:.....*Lý Thị Ngân*.....

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hải Phòng

SỞ GD&ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CÔ TÔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 646/BC-THPTCT
V/v báo cáo các khoản thu đầu
năm học 2023-2024

Cô Tô, ngày 28 tháng 12 năm 2023

Kính gửi:

- Sở GD&ĐT Quảng Ninh;
- Cha mẹ học sinh toàn trường THPT Cô Tô.

Căn cứ Quyết định số 2593/QĐ-SGDĐT ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Trường THPT Cô Tô xin báo cáo, cụ thể như sau:

Trường THPT Cô Tô triển khai, thực hiện các khoản thu đầu năm học 2023-2024 theo đúng Công văn chỉ đạo của Sở GD&ĐT Quảng Ninh.

(Có dự toán thu chi kèm theo)

Trên đây là báo cáo các khoản thu đầu năm học 2023-2024 của trường THPT Cô Tô để Sở GD&ĐT Quảng Ninh nắm bắt được tình hình của nhà Trường.

Trường THPT Cô Tô xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu: VT.



Nguyễn Hải Phòng

Cố 15, ngày 18 tháng 12 năm 2023

Số GD&ĐT Quảng Ninh
Chi cục học sinh toàn trường THPT Cô Tô

Căn cứ Quyết định số 2253/VN-SC/ĐĐT ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 23/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc thực hiện các quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo.

Trong THPT Cô Tô xin báo cáo cụ thể như sau:

Trường THPT Cô Tô hiện đang thực hiện các khoản thu đầu năm học 2023-2024 theo đúng Công văn chỉ đạo của Sở GD&ĐT Quảng Ninh.

(Có đính kèm theo chi tiết báo cáo)

Trên đây là báo cáo hoàn thành thu đầu năm học 2023-2024 của trường THPT Cô Tô do Sở GD&ĐT Quảng Ninh ban hành để thực hiện các quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo.

Trường THPT Cô Tô xin trân trọng cảm ơn.

Trần Văn
Trần Văn
Trần Văn



Trần Văn Bình

Số: 04/2024-THPTCT
Về báo cáo thu đầu năm học
năm học 2023-2024

Kính gửi

Cô Tô, ngày 28 tháng 9 năm 2023

BIÊN BẢN
HỌP THỐNG NHẤT ĐỀ XUẤT TỔ CHỨC CÁC DỊCH VỤ PHỤC VỤ,
HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC 2023 - 2024

Thời gian: 14 giờ 00 ngày 18 tháng 9 năm 2023

Địa điểm: Phòng Hội đồng trường THPT Cô Tô

Thành phần:

- Chủ trì: Đ/c: Nguyễn Hải Phòng - Phó Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng trường THPT Cô Tô;
- Đ/c: Dương Thị Huyền Chiêm - Thư ký;
- Toàn bộ CB, GV, NV trường THPT Cô Tô: 23 Đ/c

NỘI DUNG

I. Đồng chí Nguyễn Hải Phòng – Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng trường THPT Cô Tô thông qua:

1. Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên;
2. Văn bản số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện Nghị quyết;
3. Công văn số 1296/SGDĐT-GDPT ngày 13/5/2022 của Sở Giáo dục và đào tạo V/v hướng dẫn tổ chức dạy thêm, học thêm trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;
4. Hướng dẫn số 2593/SGDĐT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.
5. Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;
6. Công văn số 2350/SGDĐT-GDPT ngày 28/8/2023 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024.

II. Thảo luận

Toàn thể CB, GV, NV nhà trường đã thảo luận và thống nhất:

1. Công tác ôn thi tốt nghiệp

- Nhà trường sẽ tổ chức họp Ban đại diện cha mẹ học sinh toàn trường để thống nhất về việc tổ chức ôn tập đề trang bị kiến thức cho học sinh lớp 12 thực hiện tốt kì thi tốt nghiệp THPT 2023.

- Nhà trường sẽ tổ chức lấy ý kiến của học sinh và phụ huynh, căn cứ vào nguyện vọng của học sinh, phụ huynh học sinh, tổ chức học bồi dưỡng củng cố và nâng cao kiến thức cho các em.

- Nhà trường căn cứ vào nguyện vọng của học sinh, phụ huynh học sinh, tổ chức học bồi dưỡng củng cố và nâng cao kiến thức cho học sinh.

- Việc tổ chức, thực hiện căn cứ vào thông tư, văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục, của UBND tỉnh Quảng Ninh, sở GD&ĐT Quảng Ninh.

- Nhà trường, các tổ chuyên môn, giáo viên trực tiếp giảng dạy sẽ xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung; bố trí thời gian, cơ sở vật chất để đảm bảo tổ chức dạy học có hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu của học sinh, phụ huynh. Nâng cao chất lượng dạy học và thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường.

2. Các khoản thu

- Nhà trường thông báo một số khoản thu theo quy định của UBND tỉnh.

+ Học phí: Thu theo quy định hiện hành

+ Nước uống: 8.000đ/ Hs/ tháng

+ Xe đạp: 10.000đ/ Hs/ tháng

+ Xe điện: 30.000đ/ Hs/ tháng

+ Dạy thêm, học thêm: 10.000đ/ tiết

100% CB, GV, NV có mặt biểu quyết, nhất trí với nội dung ghi trong biên bản.

Hội nghị kết thúc lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày.

Thư ký cuộc họp

Dương Thị Huyền Chiêm

T.M BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hải Phòng

Cô Tô, ngày 30 tháng 9 năm 2023

BIÊN BẢN
HỌP BAN ĐẠI DIỆN CHA MẸ HỌC SINH TRƯỜNG THPT CÔ TÔ
NĂM HỌC 2023 - 2024

Thời gian: 13 giờ 30 ngày 20 tháng 9 năm 2023

Địa điểm: Phòng Hội đồng trường THPT Cô Tô

Thành phần:

- Chủ trì: Đ/c: Nguyễn Hải Phòng - Phó Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng trường THPT Cô Tô;
- Đ/c: Dương Thị Huyền Chiêm - Thư ký Hội đồng sư phạm trường THPT Cô Tô;
- Toàn bộ giáo viên trường THPT Cô Tô;
- Ban đại diện cha mẹ học sinh 09 lớp: 27 PH.

NỘI DUNG

I. Nhà trường thông báo về tình hình giáo viên, nhân viên; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023:

1. Tình hình giáo viên - nhân viên nhà trường:

Tổng số: 23 trong đó

- 01 hiệu trưởng. (1 Thạc sĩ chuyên môn)
- 01 phó hiệu trưởng
- 18 giáo viên. Trình độ: 01 Thạc sĩ chuyên môn, 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn trở lên.
- 3 nhân viên văn phòng.

Thành tích cơ bản năm học 2022-2023

Trong năm học nhà trường có 23 CBGV, NV, trong đó:

- Nhà trường được được Sở GD&ĐT công nhận là tập thể LĐTT. Được Chủ tịch UBND huyện Cô Tô và Giám đốc Sở GD&ĐT tặng giấy khen.
- 01 đồng chí được Thủ tướng tặng Bằng khen.
- 01 đồng chí được UBND Tỉnh tặng Bằng khen.
- 03 đồng chí đạt danh hiệu CSTĐCCS. Và nhiều phần thưởng khác

Tỉ lệ học sinh Khá, Giỏi không ngừng được nâng lên. Tỷ lệ TN THPT đạt 100%, có 37 em đỗ đại học, 2 em được kết nạp đảng trong nhà trường. .

Công tác mũi nhọn được duy trì. Trong năm 4 học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi văn hóa và điền kinh cấp tỉnh.

2. Tình hình dạy và học nhà trường:

a/ Về phát triển số lượng:

Tổng số 9 lớp, với tổng số HS đầu năm học là 248 HS. Số học sinh tuyển sinh đầu cấp năm nay đạt 78 học sinh. số học sinh chuyển lớp đạt 100%.

b/ Về xây dựng cơ sở vật chất: Cơ bản đảm bảo, đủ số phòng học, thiết bị thí nghiệm, nhà đa năng, thiếu các phòng học bộ môn theo yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

c/ Các hoạt động nổi bật của nhà trường dự kiến trong năm học 2023-2024:

- Không thực hiện kế hoạch xã hội hóa trong năm học.
- Tổ chức dạy ôn thi TN và t/c dạy ôn thi hsg, ôn thi vào đại học cao đẳng...
- Tổ chức cho các lớp tự trang trí phòng học của lớp mình theo mô hình LỚP HỌC, TRƯỜNG HỌC AN TOÀN - HẠNH PHÚC.
- Các hoạt động GD thực hiện theo kế hoạch của Sở.
- Các hoạt động GD trải nghiệm, stem, GDNGLL, GD hướng nghiệp, ... thực hiện theo quy định.
- Tổ chức các Hoạt động VH-VN-TDĐT trong 2 đợt 20/11 và 26/3

Kết quả giáo dục đại trà:

Học lực

Loại	Năm học 2020-2021		Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023	
	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
Giỏi	37	16.89	38	16.24	40/235	17,02
Khá	142	64.84	125	53,42	105/235	44,68
TB	40	18.26	67	28,63	87/235	37,02
Y	0	0	3	1,28	3/235	1,27

Hạnh Kiểm

Loại	Năm học 2020-2021		Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023	
	SL	TL(%)	SL	TL(%)	SL	TL(%)
Tốt	159	72,27	157	67,09	158/235	67,23
Khá	56	25.45	62	26,5	62/235	26,38

TB	5	2.27	12	5,13	11/235	4,68
Y	0	0	3	1,28	4/235	1,7

3. Đánh giá hoạt động của nhà trường:

* Ưu điểm:

- Sĩ số lớp vẫn duy trì đảm bảo từ đầu năm học đến bây giờ,
- Nhìn chung các em đều ngoan ngoãn, lễ phép, vâng lời thầy cô, có ý thức học tập tốt. Thực hiện tốt các nề nếp, các quy định về nề nếp của trường, lớp. Xây dựng và duy trì phong trào thi đua giành điểm tốt, thi đua giữa các tổ, giữa các cá nhân. Nhiều em có ý thức học tập tốt, tiếp thu bài chủ động, tích cực, tự giác, hoàn thành tốt các bài tập.
- Trong giờ học hầu hết các em đều chú ý nghe giảng, rất nhiều em hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài.
- Các em đã tham gia các phong trào văn nghệ, tuyên truyền HIV/AIDS, thể dục thể thao của nhà trường, đoàn trường và huyện phát động. Một số em tham gia hoạt động của trường và lớp rất nhiệt tình.

* Tồn tại:

- Một số em HS đang còn nghịch, ham chơi, chưa có ý thức trong học tập, có thói quen ỷ lại cho bạn bè, tỉ lệ HS không học bài cũ và làm bài tập ở nhà còn cao, vẫn còn HS vi phạm an toàn giao thông. Trong lớp còn có 1 số em thường xuyên làm mất trật tự làm ảnh hưởng đến tình hình học tập của lớp, trong lớp vẫn còn tình trạng 1 số e bỏ tiết.
- Hiện tượng nhóm học sinh mâu thuẫn dẫn đến xô xát.

II. Nhà trường nêu phương hướng hoạt động trong năm học 2023-2024:

- Đảm bảo duy trì mạng lưới trường lớp.
- Tổ chức rà soát, sắp xếp, sửa chữa, bổ sung các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho năm học mới.
- Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện tốt kế hoạch năm học 2023-2024 của nhà trường; của các bộ phận cụ thể tránh chồng chéo, .
- Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng hiệu quả các hoạt động giáo dục.
- Chăm lo phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Có kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém, ôn luyện học sinh giỏi để nâng cao chất lượng đại trà và tỉ lệ học sinh giỏi các cấp.
- Quan tâm và tạo điều kiện tổ chức ôn tập cho học sinh cuối cấp tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023.
- Tăng cường công tác bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ chuẩn bị cho đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá để phục vụ cho các hoạt động dạy và học trong nhà trường.

- Tổ chức tốt các chuyên đề nhằm nâng cao năng lực, phương pháp dạy học cho giáo viên, kết quả học tập cho học sinh.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện tốt cuộc vận động của ngành, của cấp trên.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác chuyên môn, quản lí tài chính và công tác thi đua khen thưởng.

- Tập trung chỉ đạo tốt việc bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém. Quan tâm chỉ đạo việc thực hiện tốt công tác giáo dục đạo đức cho học sinh trong toàn trường.

- Đoàn trường phát huy hiệu quả các việc đã làm được tiếp tục duy trì mô hình trang trí lớp học. đề xuất xây dựng các mô hình, câu lạc bộ mà các em có thể đam mê như: nhóm nhảy, câu lạc bộ thích máy tính; thích chụp ảnh; cờ vua, cờ tướng, rubích.

- Một số khoản thu theo quy định của UBND tỉnh.

+ Học phí: Thu theo quy định hiện hành

+ Nước uống: 8.000đ/ Hs/ tháng

+ Xe đạp: 10.000đ/ Hs/ tháng

+ Xe điện: 30.000đ/ Hs/ tháng

+ Dạy thêm, học thêm: 10.000đ/ tiết

III. Ban đại diện cha mẹ học sinh nêu tình hình hoạt động của Ban đại diện trong năm học 2022-2023:

Trong năm học 2022-2023, Hội cha mẹ học sinh đã phối hợp với Nhà trường trong các hoạt động sau:

a) Phối hợp cùng Nhà trường tích cực quan tâm đến hoạt động dạy và học, giáo dục ý trí đạo đức, nhân cách, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

- Cùng nhà trường, Ban đại diện CMHS lớp và giáo viên chủ nhiệm đề kiểm soát nâng cao chất lượng các lớp.

- Tuyên truyền vận động các bậc phụ huynh phải là tấm gương tốt cho con em mình, thực hiện tốt việc quản lý, giáo dục học sinh tại gia đình, chuẩn bị tốt cho học sinh trước khi đến lớp, nhắc nhở, giúp đỡ học sinh việc học tập ở nhà. Giáo dục ý thức tự phục vụ bản thân cho con em mình, đồng thời bảo đảm tác phong ăn mặc đúng quy định, xếp sách vở, đồ dùng học tập, không được đi xe mô tô, phải đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe mô tô, xe máy điện. Phụ huynh phải thường xuyên kiểm tra để tạo thành nếp sinh hoạt, học tập cho con em.

- Tuyên truyền, vận động CMHS, cơ quan, tổ chức, đoàn thể ủng hộ Quỹ Khuyến học và sử dụng Quỹ hiệu quả để động viên phong trào dạy tốt, học tốt, rèn luyện tốt của trường. Ủng hộ và hỗ trợ nhà trường từ Quỹ Khuyến học, Quỹ hội để hỗ trợ phong trào học tập; động viên khen thưởng kịp thời cả về tinh thần và vật chất đối với học sinh, giáo viên đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

b) Phối hợp cùng nhà trường đẩy mạnh cuộc vận động “Xây dựng nhà trường văn hoá, nhà giáo mẫu mực, học sinh chăm ngoan”; Cuộc vận động “Dân Chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”, xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp, văn minh, thực hiện đề án 175 của huyện.

- Tuyên truyền, nhắc nhở, phê bình để khắc phục hiện tượng các bậc phụ huynh chưa giáo dục con em mình thực hiện tốt quy định về an toàn giao thông, trật tự và an toàn xã hội. Khi đến trường học sinh ăn mặc đúng trang phục phải chỉnh tề, cư xử giao tiếp đúng mực với giáo viên, có hành vi lịch sự, tôn trọng người lớn và đoàn kết với các bạn, phải đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy điện. Giáo dục học sinh ý thức tự giác bảo vệ của công, giữ gìn vệ sinh chung và bảo vệ môi trường, thực hiện nếp sống văn minh.

- Tư vấn và giúp đỡ nhà trường về cảnh quan môi trường sư phạm, vận động phụ huynh quên góp trồng cây xanh sân trường và trong lớp học, góp phần đảm bảo không khí thoáng mát, trong lành.

c) Khuyến khích và ủng hộ các phong trào của nhà trường và học sinh

- Tích cực ủng hộ và quan tâm đến phong trào đoàn, đội, phong trào văn hoá, văn nghệ, TDTT, các hoạt động ngoại khoá... nhằm nâng cao hiểu biết, ý thức rèn luyện, phấn đấu cho các học sinh đảm bảo về phát triển toàn diện.

- Cùng nhà trường nghiên cứu tìm hiểu, mở rộng các hoạt động ngoại khoá và phong trào thi đua trong học sinh.

- Tích cực tham gia các hoạt động kỷ niệm trong trường..

d) Quan tâm chu đáo đến nhà trường, giáo viên, cán bộ, nhân viên và người lao động:

- Ban đại diện CMHS bằng nhiều hình thức chủ động tổ chức các hoạt động chúc mừng, thăm hỏi động viên đội ngũ giáo viên, cán bộ, viên chức và người lao động trong trường nhân các ngày lễ tết, ngày kỷ niệm trong năm, thăm hỏi khi ốm đau, hiếu hỷ...v.v đảm bảo trang trọng, tình cảm.

- Biết và hiểu con em mình để từ đó hiểu và thông cảm với công việc của người giáo viên.

đ) Thực hiện tốt và tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo và từ thiện

Phối hợp cùng với nhà trường để tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện. Giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh tài năng vượt khó.



e) Xây dựng Ban đại diện CMHS vững mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động Ban đại diện CMHS các lớp.

- Hướng dẫn lựa chọn những phụ huynh có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, nhiệt tình, tâm huyết với công việc vào Ban đại diện CMHS các lớp, Ban thường trực CMHS của trường.

- Phân công trách nhiệm cụ thể, thường xuyên trao đổi thông tin giữa các thành viên trong Ban thường trực trường.

- Thực hiện chế độ trực ban, thông tin hai chiều với các Ban đại diện CMHS lớp, với phụ huynh để kịp thời nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng của học sinh, CMHS.

- Duy trì phong trào thi đua giữa Ban đại diện CMHS và phụ huynh trong việc triển khai kế hoạch để hoạt động Ban đại diện CMHS thực sự trở thành cầu nối giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- Tham gia đầy đủ các hoạt động do Ban đại diện CMHS Trường tổ chức và phát động.

- Cùng nhà trường quản lý và sử dụng quỹ hội đúng mục đích, đúng quy định, đạt hiệu quả cao nhất.

IV. Bầu ban đại diện Hội CMHS năm học 2023-2024:

- Trong cuộc họp đã tiến hành bầu Ban đại diện Hội CMHS nhà trường bao gồm 09 Đ/c:

- Trưởng ban: Lê Thị Loan

- Phó ban: Nguyễn Thị Thu

- Ủy viên: Bùi Thị Thủy

- Ủy viên: Bùi Đức Thủy

- Ủy viên: Đinh Thị Hương

- Ủy viên: Vũ Thị Oanh

- Ủy viên: Nguyễn Thị Hà

- Ủy viên: Phạm Thị Huyền

- Ủy viên: Nguyễn Thị Thu

V. Lấy ý kiến về việc ôn tập cho học sinh 12 trong việc ôn tập cho kì thi tốt nghiệp THPT 2023.

1. Đ/c Nguyễn Hải Phòng – Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng trường THPT Cô Tô thông qua:

- Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Văn bản số 3025/HD-SGDĐT ngày 22/10/2021 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện Nghị quyết;

- Công văn số 1296/SGDĐT-GDPT ngày 13/5/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo V/v hướng dẫn tổ chức dạy thêm, học thêm trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Hướng dẫn số 2593/SGDĐT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023-2024 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Công văn số 2350/SGDĐT-GDPT ngày 28/8/2023 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023-2024.

- Thông báo đến toàn thể Ban đại diện CMHS toàn trường mục đích, các biện pháp, nội dung ôn tập kiến thức cơ bản và nâng cao của các bộ môn trong kì thi tốt nghiệp, thời gian tổ chức ôn tập cho 86 học sinh lớp 12.

2. Ý kiến

- Bà: Lê Thị Loan – Trưởng ban Hội CMHS nhà trường: Nhất trí với chủ trương của nhà trường về việc tổ chức ôn tập cho học sinh 12. Việc ôn tập sẽ trang bị, củng cố kiến thức cho các em để có kết quả tốt trong kì thi tốt nghiệp.

- Bà: Nguyễn Thị Hà – Trưởng ban phụ huynh học sinh lớp 12A1: Tôi hoàn toàn nhất trí với việc tổ chức ôn tập cho HS 12 tham gia kì thi tốt nghiệp THPT. Hs cần trang bị kiến thức cơ bản và nâng cao về các môn học mà các con sẽ thi trong kì thi tốt nghiệp để đạt kết quả cao, đặc biệt là với các con có nhu cầu thi để xét vào các trường cao đẳng, đại học.

- Bà: Nguyễn Thị Thu – Trưởng ban phụ huynh học sinh lớp 12A3: Tôi hoàn toàn nhất trí với việc tổ chức ôn tập cho HS 12. Việc ôn tập là rất cần thiết tuy nhiên cần tổ chức ôn tập tùy theo nhu cầu của học sinh và phụ huynh.

- Bà: Phạm Thị Huyền – Trưởng ban phụ huynh học sinh lớp 12A2: Tôi hoàn toàn nhất trí với việc tổ chức ôn tập cho HS 12. Các con cần được ôn tập để củng cố kiến thức, nâng cao kiến thức để có thể làm tốt các bài thi trong kì thi tốt nghiệp.

VI. Kết luận:

Trong năm học 2022- 2023, với sự nỗ lực phấn đấu, chung sức đồng lòng của tập thể sư phạm nhà trường, toàn thể học sinh và sự phối hợp chặt chẽ của phụ huynh học sinh, trường THPT Cô Tô đã cơ bản hoàn thành mục tiêu đề ra trong kế hoạch giáo dục.

Năm học 2023-2024, kính mong các Đ/c trong Ban đại diện Hội CMHS nhà trường tiếp tục phối hợp chặt chẽ hơn nữa với Nhà trường, GVCN và các

GVBM trong việc giáo dục kiến thức và đạo đức cho HS, để các em chăm ngoan, lễ phép, đạt kết quả tốt hơn trong năm học và đặc biệt là kì thi tốt nghiệp THPT 2023.

Ý kiến đóng góp của phụ huynh HS:

- Bà: Lê Thị Loan - Trưởng ban cha mẹ học sinh trường THPT Cô Tô: Thay mặt Ban đại diện cha mẹ học sinh, tôi xin cảm ơn các thầy cô giáo trong Ban giám hiệu, các thầy cô giáo viên chủ nhiệm, các thầy cô giáo bộ môn. Tôi rất vui với kết quả học sinh đã đạt được trong năm học vừa qua. Hội cha mẹ học sinh sẽ luôn theo sát, phối hợp với Nhà trường trong tất cả các hoạt động để giáo dục đạo đức và kiến thức cho học sinh. Tôi tin với sự quan tâm, dạy bảo của thầy cô, các em sẽ đạt kết quả tốt hơn trong năm học mới.

- Bà: Nguyễn Thị Thu - Phó trưởng ban thường trực hội cha mẹ học sinh: Tôi rất phấn khởi với kết quả của học sinh Nhà trường. Cảm ơn các thầy cô giáo rất nhiều. Các thầy cô đã luôn sát sao trong các hoạt động của các cháu, cả trong học tập cũng như các hoạt động ngoài trường học, động viên các cháu kịp thời trong học tập và cuộc sống. Nhà trường và các thầy cô đã quan tâm đến các cháu, đặc biệt là học sinh có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi cha mẹ.

- Bà: Nguyễn Thị Hà - Ủy viên Hội cha mẹ học sinh: Tôi hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã đưa ra trong cuộc họp này của Nhà trường. Tôi rất cảm ơn sự quan tâm, dạy bảo của các thầy cô đối với con em chúng tôi.

Cuộc họp kết thúc hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày.

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**



Nguyễn Hải Phòng

THƯ KÝ

Dương Thị Huyền Chiêm

Số: 553/QĐ-THPTCT

Cô Tô, ngày 02 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định nhiệm vụ và trách nhiệm CBGV - NV
Trực tiếp tham gia công tác giảng dạy, quản lý nguồn thu dịch vụ
Năm học 2023-2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT CÔ TÔ

- Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học Ban hành kèm theo Thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Thông tư 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi một số điều của Quy định chế độ làm việc của giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Công văn số 7428/UBND-GD ngày 30/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 3094/SGDĐT - GDTrH ngày 16/11/2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh vv hướng dẫn tổ chức dạy thêm, học thêm trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh quảng ninh;

Căn cứ Công văn số 2593/HD-SGDĐT ngày 19/9/2023 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc hướng dẫn Thực hiện Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định nhiệm vụ và trách nhiệm của các tổ chức, bộ phận, cán bộ, viên chức và lao động tham gia công tác giảng dạy, quản lý nguồn dịch vụ năm học 2023-2024”.

Điều 2. Quy định này là căn cứ để quản lý, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ công tác của cán bộ, giáo viên và nhân viên trong trường. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên trường THPT Cô Tô căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c)
- Lãnh đạo trường (chỉ đạo)
- Các tổ CM, VP (t/h)
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hải Phòng

QUY ĐỊNH

Nhiệm vụ và trách nhiệm CBGV - NV tham gia công tác giảng dạy, quản lý nguồn thu dịch vụ Năm học 2023-2024

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 553/QĐ- THPTCT
ngày 02/11/2023 của Hiệu trưởng trường THPT Cô Tô)*

I. DỊCH VỤ DẠY THÊM HỌC THÊM

1. Ban Giám hiệu:

1.1 Hiệu trưởng: Nguyễn Hải Phòng

- Thực hiện phân cấp quản lý trong nhà trường, giao quyền, phân quyền, ủy quyền, chỉ đạo, điều hành, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật theo quy định của các văn bản pháp quy hiện hành.
- Lãnh đạo và Quản lý điều hành toàn diện, chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về toàn bộ hoạt động dạy thêm học thêm.
- Chỉ đạo phổ biến các Thông tư, Chỉ thị và văn bản hướng dẫn của các cấp về việc dạy thêm học thêm các cấp học tới toàn thể CBGV - NV, học sinh và phụ huynh.
- Tham mưu với chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị trên địa bàn tham gia quản lý việc dạy thêm, học thêm trên địa bàn.
- Phân công các Phó Hiệu trưởng và các thành viên khác để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ.
- Thống nhất với Hội đồng trường về việc phân công giáo viên, nội dung và những yêu cầu khác về dạy thêm học thêm.
- Giám sát, kiểm tra hoạt động dạy thêm của nhà trường.
- Cùng kế toán xây dựng dự toán thông qua Hội đồng giáo dục, cha mẹ học sinh.
- Kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm các quyết định về dạy thêm, học thêm chịu sự thanh tra của Sở Giáo dục và Đào tạo về quy định dạy học, chất lượng dạy học, về thu chi tài chính, định kỳ tổng kết và báo cáo tình hình dạy thêm học thêm với cơ quan quản lý và hội đồng trường.
- Chỉ đạo công khai kế hoạch dạy thêm trên trang web của trường và toàn bộ giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh được biết.
- Tăng cường dự giờ để nắm bắt tình hình giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.
- Phối hợp với Ban đại diện CMHS thống nhất mức thu.
- Mỗi tháng tính 16 giờ/tháng làm thêm.



1.2 Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Vân

- Tổng hợp đơn xin học thêm và lập danh sách DTHT.
- Xây dựng kế hoạch dạy thêm học thêm theo đúng quy định.
- Phụ trách các vấn đề nền nếp học sinh trong thực hiện dạy thêm học thêm
- Giám sát việc thực hiện chuyên cần của học sinh và GV.
- Quản lý CSVC, chỉ đạo công tác lao động vệ sinh học đường, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.
- Chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện kế hoạch DTHT theo đúng quy định
- Tổ chức quản lý thực hiện nội dung kế hoạch giáo dục dạy thêm học thêm
- Tổng hợp buổi dạy, quản lý hồ sơ, chương trình dạy thêm.
- Phụ trách công tác kiểm tra, thanh tra chuyên môn: Kiểm tra hồ sơ chuyên môn đảm bảo giáo viên có đủ kế hoạch, đề cương, giáo án khi lên lớp.
- Xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng các buổi ôn thi.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột suất hồ sơ giáo án của giáo viên tham gia dạy thêm...
- Tham gia kiểm tra khi được phân công và chịu trách nhiệm trước tập thể về kết luận kiểm tra của mình.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.
- Mỗi tháng tính 15 giờ/tháng làm thêm.

2. Giáo viên tham gia dạy thêm trong nhà trường

- Thực hiện Điều lệ nhà trường; thực hiện quyết định của Hiệu trưởng, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.
- Giáo viên dạy thêm tự nguyện viết đơn cam kết thực hiện nghiêm túc quy định dạy thêm học thêm.
- Thực hiện đúng kế hoạch dạy thêm phụ đạo được phê duyệt.
- Chịu trách nhiệm thực hiện các quy định tại văn bản dạy thêm, học thêm, các quy định chung của ngành và các quy định liên quan.
- Thực hiện đúng kế hoạch dạy thêm phụ đạo được phê duyệt.
- Giáo viên phụ trách nhóm lập sổ theo dõi tình hình học tập của học sinh, liên hệ phụ huynh học sinh để cùng có biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học.
- Phân loại học sinh trong mỗi lớp dạy; quan tâm kèm cặp học sinh yếu, trung bình; bồi dưỡng nâng cao đối với học sinh khá giỏi.
- Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học để hấp dẫn, lôi cuốn học sinh, nâng cao hiệu quả giờ dạy.
- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo, gương mẫu trước học sinh; thương yêu, tôn trọng học sinh, đối xử công bằng với học sinh, bảo vệ các quyền và

lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; tạo dựng môi trường học tập và làm việc dân chủ, thân thiện, hợp tác, an toàn và lành mạnh.

- Không có bất kỳ hình thức ép buộc học sinh lớp mình đang giảng dạy phải tham gia học thêm. Đặc biệt không có sự phân biệt đối với những em không tham gia học thêm, quan tâm đến mọi học sinh trong nhóm mình dạy...

- Phối hợp với giáo viên quản lớp và các bộ phận khác, dạy học và giáo dục học sinh.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Nhà trường phân công, theo quy định của pháp luật.

- Công khai kết quả học tập của học sinh theo từng tháng.

- Số tiền tính theo số tiết đã thực hiện với mức chi tỷ lệ tối thiểu là 70% trên tổng số thu.

3. Giáo viên quản lớp

- Chủ động nắm bắt thông tin từng học sinh của lớp; theo dõi sĩ số và kết quả ngày học tập; giúp học sinh nắm và thực hiện nghiêm túc các quy chế, các quy định hiện hành, các chính sách chế độ liên quan.

- Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm học sinh, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng học sinh.

- Làm tốt công tác tổ chức, quản lý lớp

- Dựa vào tình hình thực tế, vạch kế hoạch giúp lớp tổ chức thực hiện chương trình học tập, rèn luyện hàng tuần, hàng tháng, học kỳ và năm học.

- Theo dõi và quản lý học tập đối với học sinh. Giải quyết những vướng mắc, tồn tại và những việc phát sinh khác của lớp.

- Thường xuyên liên hệ, phối hợp cùng với giáo viên bộ môn trong việc kiểm tra để nắm bắt tình hình học tập của học sinh và có biện pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả ôn tập của từng lớp.

- Liên hệ với gia đình học sinh để phối hợp giáo dục học sinh khi cần thiết

- Thực hiện các hoạt động giáo dục theo kế hoạch đã xây dựng.

- Hàng tuần báo cáo tình hình ôn thi của lớp về phó Hiệu trưởng chuyên môn (sĩ số, tinh thần thái độ học tập; phương pháp; điều chỉnh, bổ sung....)

- Đề xuất nhà trường các trường hợp đặc biệt về học sinh.

- Mỗi tháng tính 5 giờ/người/tháng.

4. Nhân viên Kế toán

- Xây dựng dự toán dạy thêm học thêm theo đúng văn bản hướng dẫn. Đảm bảo mọi khoản thu, chi đều phải có kế hoạch, khi quyết toán phải có đầy đủ chứng từ hợp lệ, công khai trước Hội đồng nhà trường, ban đại diện cha mẹ học sinh từng học kỳ, từng năm học.



- Thực hiện thanh quyết toán kịp thời, chủ động thường xuyên tự kiểm tra về tài chính.

- Tham mưu đề xuất với Hiệu trưởng về kế hoạch, giải pháp và thực hiện trình tự hồ sơ thu, chi và sử dụng kinh phí hợp lý đúng qui định, có hiệu quả

- Báo cáo thuế GTGT, TNDN đúng kỳ hạn theo quý, năm

- Quản lý hóa đơn điện tử, lập danh sách, biểu mẫu, xuất hóa đơn học thêm cho học sinh khi có phát sinh

- Quản lý việc thực hiện nề nếp, tác phong làm việc, giờ giấc, vị trí làm việc,...
Chăm công lao động của tổ Văn phòng trong thực hiện dạy thêm học thêm

- Thực hiện chế độ công khai tài chính định kỳ, làm các báo cáo liên quan đến công tác tài chính dạy thêm học thêm.

- Phối hợp cùng đ/c Phó Hiệu trưởng và giáo viên quản lớp kiểm diện sĩ số học sinh hàng ngày.

- Mỗi tháng tính 18 giờ/tháng

5. Nhân viên Thủ quỹ, văn thư

- Có đủ hồ sơ, sổ sách theo dõi thu, chi quỹ tiền mặt và cập nhật kịp thời đúng nguyên tắc tài chính. Hàng tháng đối chiếu sổ quỹ với kế toán.

- Thực hiện thu, chi tiền mặt đúng chính sách trong phạm vi trách nhiệm của người thủ quỹ, thực hiện việc thu chi của cơ quan đơn vị theo những kế hoạch đã đề ra hoặc những công việc cần thiết, phù hợp, hiệu quả.

- Thu các khoản thu của trường đôn đốc các GVCN lớp hoàn thành các khoản thu theo kế hoạch;

- Đề xuất mua sắm các loại văn phòng phẩm của nhà trường phục vụ cho công tác dạy thêm học thêm.

- Quản lý sổ ghi đầu bài dạy thêm học thêm, hàng ngày phát cho học sinh và thu lại lưu phòng văn thư.

- Chịu sự kiểm tra đột xuất của Hiệu trưởng. Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các chứng từ, khi có đoàn thanh tra làm việc theo yêu cầu.

- Quản lý, vệ sinh phòng chờ GV.

- Làm các nhiệm vụ khác khi nhà trường phân công.

- Mỗi tháng tính 7 giờ/tháng

6. Nhân viên Y tế

- Đôn đốc kiểm tra việc thực hiện nề nếp vệ sinh các lớp hàng ngày.

- Phụ trách công tác lao động vệ sinh của học sinh. Kiểm tra công tác trực nhật vệ sinh các lớp. Đôn đốc các lớp trong công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

- Phối hợp với các bộ phận có liên quan làm công tác khử khuẩn trong các lớp học, công tác vệ sinh, đo thân nhiệt cho học sinh.

- Hàng ngày, cập nhật tình hình dịch bệnh, kiểm tra, giám sát, nhắc nhở học sinh, cán bộ, giáo viên thực hiện những biện pháp để phòng tránh dịch bệnh COVID-19.

- Đảm bảo phòng y tế tại trường học có đầy đủ trang thiết bị y tế rà soát, bổ sung trang thiết bị phục vụ phòng chống dịch COVID-19 hàng ngày.

- Phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp có biểu hiện sốt, ho, khó thở, mệt mỏi tại trường..

- Thực hiện nhiệm vụ khác do Tổ Văn phòng (Nhà trường) phân công.

- Mỗi tháng tính 9 giờ/tháng.

7. Nhân viên bảo vệ:

Trông giữ phương tiện xe của học sinh ra và vào trường khi tham gia học thêm.

- Thời gian: Mỗi tháng tính 6 giờ/người/tháng làm thêm.

II. DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

1. Ban Giám hiệu

1.1. Hiệu trưởng: Nguyễn Hải Phòng

- Lãnh đạo và Quản lý điều hành toàn diện, chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về toàn bộ hoạt động trông giữ phương tiện giao thông.

- Chỉ đạo phổ biến văn bản hướng dẫn của các cấp dịch vụ trông giữ phương tiện giao thông học tới toàn thể CBGV - NV, học sinh và phụ huynh.

- Phân công các Phó Hiệu trưởng và các thành viên khác để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Giám sát, kiểm tra hoạt động trông giữ phương tiện giao thông của nhà trường.

- Phối hợp với Ban đại diện CMHS thống nhất mức thu.

- Thời gian: Mỗi tháng tính 3 giờ/tháng làm thêm.

1.2 Phó Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Vân

- Tổng hợp đơn xin gửi xe và lập danh sách học sinh.

- Phụ trách các vấn đề nền nếp học sinh trong thời gian ra vào trường.

- Giám sát việc thực hiện chuyên cần của học sinh và GV.

- Quản lý CSVC, chỉ đạo công tác lao động vệ sinh học đường, cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Tham gia kiểm tra khi được phân công và chịu trách nhiệm trước tập thể về kết luận kiểm tra của mình.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.



- Mỗi tháng tính 2 giờ/tháng làm thêm.

2. Nhân viên Kế toán

- Phối hợp trong việc giám sát, kiểm tra hoạt động trông giữ phương tiện giao thông của học sinh.

- Thường xuyên nhắc nhở, tuyên truyền HS thực hiện nghiêm túc các Quy định của nhà trường khi tham gia dịch vụ.

- Xây dựng dự toán trông giữ phương tiện tham gia giao thông theo đúng văn bản hướng dẫn. Đảm bảo mọi khoản thu, chi đều phải có kế hoạch, khi quyết toán phải có đầy đủ chứng từ hợp lệ, công khai trước Hội đồng nhà trường, ban đại diện cha mẹ học sinh từng học kỳ, từng năm học.

- Cập nhật các hồ sơ và chứng từ thu - chi quyết toán kinh phí đúng thời gian và qui định; Theo dõi cập nhật vào sổ sách kế toán.

- Thực hiện thanh quyết toán kịp thời, chủ động thường xuyên tự kiểm tra về tài chính.

- Tham mưu đề xuất với Hiệu trưởng về kế hoạch, giải pháp và thực hiện trình tự hồ sơ thu, chi và sử dụng kinh phí hợp lý đúng qui định, có hiệu quả.

- Báo cáo thuế GTGT, TNDN đúng kỳ hạn theo quý, năm.

- Quản lý hóa đơn điện tử, lập danh sách, biểu mẫu, xuất hóa đơn cho học sinh khi có phát sinh.

- Phối hợp cùng các bộ phận trực tiếp trông giữ xe kiểm diện số lượng xe theo tháng, lập danh sách cho học sinh đăng ký gửi xe tại trường.

- Thực hiện chế độ công khai tài chính định kỳ, làm các báo cáo liên quan đến công tác tài chính trông giữ phương tiện giao thông.

- Thời gian: Mỗi tháng tính 3 giờ/tháng làm thêm.

3. Nhân viên Thủ quỹ, văn thư

- Có đủ hồ sơ, sổ sách theo dõi thu, chi quỹ tiền mặt và cập nhật kịp thời đúng nguyên tắc tài chính. Hàng hàng tháng đối chiếu sổ quỹ với kế toán.

- Thực hiện thu, chi tiền mặt đúng chính sách trong phạm vi trách nhiệm của người thủ quỹ, thực hiện việc thu chi của cơ quan đơn vị theo những kế hoạch đã đề ra hoặc những công việc cần thiết, phù hợp, hiệu quả.

- Làm các nhiệm vụ khác khi nhà trường phân công.

- Thời gian: Mỗi tháng tính 2 giờ/tháng làm thêm.

4. Nhân viên bảo vệ:

- Trông giữ phương tiện xe của học sinh ra và vào trường khi tham gia học thêm.

- Kiểm tra vé xe, số xe của học sinh hàng ngày.

- Thời gian: Theo lịch học của nhà trường (*Nhân viên bảo vệ tự sắp xếp ca trực của mình*)

- Kinh phí: Mỗi tháng tính 3.250.000đ/người/tháng làm thêm. .

III. Dịch vụ nước uống:

* Nhân viên phục vụ quản lý, cấp phát nước

- Vận chuyển nước lên các lớp, kiểm tra hàng ngày nhu cầu của học sinh khi dùng nước;

- Quản lý nước các lớp.

- Thời gian: Theo lịch học của nhà trường

- Kinh phí: Mỗi tháng tính 300.000đ/người/tháng.

Trên cơ sở phân công, trong quá trình thực hiện các cá nhân và tổ chức, các bộ phận công tác cần chủ động phối hợp chặt chẽ, linh hoạt trong triển khai tới các thành viên phù hợp với đặc điểm, chức năng nhiệm vụ trong đơn vị để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c)
- Lãnh đạo trường (chi đạo)
- Các tổ CM, VP (t/h)
- Lưu: VT.



- Kinh phí học tháng tính 3.000.000 đồng tháng làm theo

Hội đồng y nước nước

* Nhà văn phòng y dân là cấp phát nước

- Văn chuyên nước lên các lớp, kiểm tra hàng ngày như các học sinh khi
đưa nước

- (Quản lý nước các lớp

- Phân gian: Theo lịch học của nhà trường

- Kinh phí: 300.000 đồng tháng

Tên cơ sở phân công, trong quá trình thực hiện các số nhà và tổ chức, các bộ
phần công tác cấp chỉ định phải hợp các chế độ, hình thức trong diện làm các thành
viên phải hợp với đặc điểm, chức năng nhiệm vụ trong đơn vị để hoàn thành xuất sắc
nhiệm vụ.

Nơi nhận

- Sở Giáo dục và Đào tạo
- Trường THPT Chuyên (10/10)
- Trường THPT Chuyên (10/10)
- Trường THPT Chuyên (10/10)



Phụ lục số 4
DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ HỌC THÊM
Năm học 2023-2024

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ năm học 2023-2024
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học
- Tổng số học sinh, trẻ tham gia dịch vụ: 68 Học sinh

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối thiểu (%)	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
<i>A</i>	<i>B</i>		<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4=2*3</i>	<i>5</i>	<i>6=4*5</i>	<i>11</i>
1	Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp giảng dạy	70%	Giờ dạy	51,45	268.999	13.839.999	7	96.879.990	Theo Phụ lục 4.1, 4.2, 4.3
				50,4	268.999	13.557.550	5	67.787.748	
2	Chi khác	30%				8.026.118	7	71.957.396	
2.1	Chi cho công tác quản lý (chi tối đa không quá 10%)					1.923.744	7	26.090.778	
	- Hiệu trưởng (1 người x 16 giờ/tháng)		Giờ	16	120.234	1.923.744	7	13.466.208	
	- Phó Hiệu trưởng (1 người x 15		Giờ	15	120.234	1.803.510	7	12.624.570	
2.2	Chi cho giáo viên, nhân viên phục vụ cho công tác dạy thêm học thêm (người tham gia trực tiếp vào công tác dạy thêm học thêm)					4.092.374		28.646.618	Theo quyết định phân công cán bộ tham gia trực tiếp quản lý công tác này
	- Thủ quỹ		Giờ	7	67.670	473.690	7	3.315.830	
	- Kế toán		Giờ	18	72.120	1.298.160	7	9.087.120	
	- Y tế		Giờ	9	64.095	576.855	7	4.037.985	
	- Giáo viên chủ nhiệm: (3 lớp x 5		Giờ	15	88.119	1.321.785	7	9.252.495	
	- Phục vụ công tác an ninh trật tự; quản lý CSVC (3 người x 6 giờ/tháng)		Giờ	18	23.438	421.884	7	2.953.188	



2.3	Phục vụ vệ sinh học sinh (Giấy vệ sinh, vim tẩy rửa, vim lau sàn ...	1%	Tháng	1	410.000	410.000	7	2.870.000	
2.4	Điện			1	800.000	800.000	7	5.600.000	Theo khối lượng tiêu thu, sử dụng trong phục vụ học thêm (cách tính như tiền điện điều hoà)
2.5	Nước sinh hoạt			1	150.000	150.000	7	1.050.000	
2.6	Nước uống		Bình	12	25.000	300.000	7	2.100.000	Dự toán tính như bảng tính dịch vụ nước uống (Đối với mầm non không tính chi phí nước uống)
2.7	Sửa chữa cơ sở vật chất	2%	Tháng	1	300.000	300.000	7	2.100.000	Sửa chữa máy chiếu, quạt, thay thế bóng điện, bàn ghế....
2.8	Thuế	2%	%			500.000	7	3.500.000	
Tổng cộng		100%						236.625.134	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi năm	Đồng	236.625.134	
2	Số học sinh/ lớp	Hs/ lớp	34	
3	Tổng số tháng học	Tháng	7	Trung bình tháng học
4	Tổng số giờ dạy/ tháng	Giờ dạy/thang	102	
5	Tổng số giờ dạy/ năm(4=3*4)	Giờ dạy/năm	713	
6	Số tiền thu 1 giờ dạy/ lớp (6=1/5)	Đồng	331.896	

7	Số tiền thu 1 trẻ, học sinh/giờ dạy (7=6/2)	Đồng	9.762	Không vượt quá quy định
	Làm tròn	Đồng	10.000	

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Lê Thị Loan



Đại diện công đoàn nhà trường

Đương Thị Huyền Chiêm

Kế toán

Hoàng Lệ Dung

Hoàng Lệ Dung

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hải Phòng



MISS * O-T-D



Registered Post

Handwritten signature

By post

Registered Post



Handwritten signature

Registered Post

Item No.	Description	Quantity	Unit Price	Total
1	12/73	1	0.100	0.100

BẢNG KÊ DANH SÁCH HỌC SINH THAM GIA HỌC THÊM

- Căn cứ kế hoạch dạy thêm số 437/THPTCT ngày 20/9/2023 của trường THPT Cô Tô
- Biên ban họp cha mẹ học sinh (kèm theo)

TT	Lớp/Học sinh	Số tiết học/ tuần		Số tiết học/ tháng	Ghi chú
		Môn Toán	Tổng cộng		
1	2	3	$12=(3+...+11)$	$13=12*4$ tuần	13
*	Khối 12				
I	Lớp 12 chung	129	129	516	
1	Vũ Mai Ngọc Anh	3	3	12	
2	Trần Thị Ngọc Anh	3	3	12	
3	Nguyễn Thị Diễm	3	3	12	
4	Đỗ Đức Dương	3	3	12	
5	Nguyễn Văn Hải	3	3	12	
6	Vũ Minh Hiếu	3	3	12	
7	Lê Huy Hiếu	3	3	12	
8	Phạm Huy Hoàng	3	3	12	
9	Nguyễn Trường Huy	3	3	12	
10	Phạm Ngọc Huy	3	3	12	
11	Vũ Quốc Huy	3	3	12	
12	Phạm Thu Huyền	3	3	12	
13	Phạm Văn Lượng	3	3	12	
14	Nguyễn Thị Hương Mơ	3	3	12	
15	Phạm Duy Nam	3	3	12	
16	Bùi Trần Hải Phong	3	3	12	
17	Nguyễn Thị Thị	3	3	12	
18	Nguyễn Thị Thủy	3	3	12	
19	Nguyễn Hoàng Trung	3	3	12	
20	Phạm Thị Hoàng Yên	3	3	12	
21	Trần Trung Kiên	3	3	12	
22	Bùi Thị Lan Anh	3	3	12	

23	Bùi Thị Thùy Dương	3	3	12	
24	Nguyễn Thành Đạt	3	3	12	
25	Nguyễn Nam Khánh	3	3	12	
26	Vũ Văn Mạnh	3	3	12	
27	Phạm Đức Tân	3	3	12	
28	Nguyễn Hoài Thương	3	3	12	
29	Phạm Thị Thanh Vân	3	3	12	
30	Phạm Đăng Thuận	3	3	12	
31	Phan Hoàng Anh	3	3	12	
32	Phạm Lan Anh	3	3	12	
33	Vũ Việt Trường Anh	3	3	12	
34	Nguyễn Công Bình	3	3	12	
35	Nguyễn Thị Thanh Hoa	3	3	12	
36	Nguyễn Văn Huy	3	3	12	
37	Bùi Minh Khang	3	3	12	
38	Đặng Trường Khánh	3	3	12	
39	Đỗ Phan Nhật Minh	3	3	12	
40	Nguyễn Đức Trường Minh	3	3	12	
41	Phạm Minh Quang	3	3	12	
42	Hoàng Thị Anh Thư	3	3	12	
43	Trịnh Huyền Trang	3	3	12	
		Số tiết học/ tuần			
TT	Lớp/Học sinh	Môn Toán	Tổng cộng	Số tiết học/ tháng	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>12=(3+...+11)</i>	<i>13=12*4 tuần</i>	<i>13</i>
II	Lớp 12				
43	Tổng cộng (I+II)	129	129	516	

Cô Tô, ngày 02 tháng 11 năm 2023



Nguyễn Hải Phòng

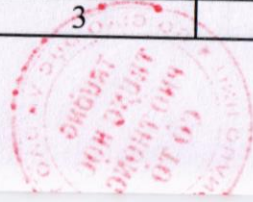
BẢNG KÊ DANH SÁCH HỌC SINH THAM GIA HỌC THÊM

- Căn cứ kế hoạch dạy thêm số 437/THPTCT ngày 20/9/2023 của trường THPT Cô Tô
- Biên ban họp cha mẹ học sinh (kèm theo)

TT	Lớp/Học sinh	Số tiết học/ tuần		Số tiết học/ tháng	Ghi chú
		Môn Văn	Tổng cộng		
1	2	4	$12=(3+...+11)$	$13=12*4$ tuần	13
*	Khối 12				
I	Lớp 12A	99	99	396	
1	Vũ Mai Ngọc Anh	3	3	12	
2	Nguyễn Thị Anh	3	3	12	
3	Nguyễn Thị Diễm	3	3	12	
4	Nguyễn Văn Hải	3	3	12	
5	Vũ Quốc Huy	3	3	12	
6	Phạm Thu Huyền	3	3	12	
7	Lê Quỳnh Lâm	3	3	12	
8	Phạm Văn Lượng	3	3	12	
9	Nguyễn Thị Hoa Mai	3	3	12	
10	Nguyễn Thị Hương Mơ	3	3	12	
11	Phạm Duy Nam	3	3	12	
12	Phạm Thị Hoàng Yến	3	3	12	
13	Mai Quốc An	3	3	12	
14	Bùi Thị Thùy Dương	3	3	12	
15	Lê Hương Giang	3	3	12	
16	Nguyễn Thị Hậu	3	3	12	
17	Trần Lệ Khuyên	3	3	12	
18	Nguyễn Thị Lam	3	3	12	
19	Phạm Minh Quân	3	3	12	
20	Đặng Thị Thùy	3	3	12	
21	Nguyễn Hoài Thương	3	3	12	
22	Phạm Thị Thanh Vân	3	3	12	



23	Đào Nguyễn Nguyệt Anh	3	3	12	
24	Vũ Thị Vân Anh	3	3	12	
25	Phạm Thị Chi	3	3	12	
26	Nguyễn Thị Thanh Hoa	3	3	12	
27	Ngô Yên Nhi	3	3	12	
28	Hoàng Thị Anh Thư	3	3	12	
29	Nguyễn Thị Minh Thư	3	3	12	
30	Ngô Thị Hoài Thương	3	3	12	
31	Nguyễn Thị Thương	3	3	12	
32	Hoàng Thùy Trang	3	3	12	
33	Trịnh Huyền Trang	3	3	12	
TT	Lớp/Học sinh	Số tiết học/ tuần		Số tiết học/ tháng	Ghi chú
		Môn Văn	Tổng cộng		
1	2	4	$12=(3+...+11)$	$13=12*4$ tuần	13
II	Lớp 12 B	99	99	396	
1	Đỗ Đức Dương	3	3	12	
2	Lê Thị Hiền	3	3	12	
3	Vũ Minh Hiếu	3	3	12	
4	Lê Huy Hiệu	3	3	12	
5	Phạm Huy Hoàng	3	3	12	
6	Nguyễn Trường Huy	3	3	12	
7	Phạm Ngọc Huy	3	3	12	
8	Bùi Trần Hải Phong	3	3	12	
9	Nguyễn Thị Thi	3	3	12	
10	Nguyễn Thị Thủy	3	3	12	
11	Nguyễn Hoàng Trung	3	3	12	
12	Trần Trung Kiên	3	3	12	
13	Nguyễn Xuân Bình	3	3	12	
14	Nguyễn Văn Công	3	3	12	
15	Nguyễn Nam Khánh	3	3	12	
16	Vũ Văn Mạnh	3	3	12	
17	Lê Thị Trà My	3	3	12	



18	Nguyễn Văn Nam	3	3	12
19	Lê Quốc Toàn	3	3	12
20	Đình Văn Việt	3	3	12
21	Phạm Đăng Thuận	3	3	12
22	Phan Hoàng Anh	3	3	12
23	Vũ Việt Tường Anh	3	3	12
24	Nguyễn Công Bình	3	3	12
25	Nguyễn Công Hiếu	3	3	12
26	Nguyễn Văn Huy	3	3	12
27	Bùi Minh Khang	3	3	12
28	Đặng Trường Khánh	3	3	12
29	Nguyễn Hoàng Long	3	3	12
30	Đỗ Phan Nhật Minh	3	3	12
31	Nguyễn Đức Tường Minh	3	3	12
32	Phạm Minh Quang	3	3	12
33	Nguyễn Văn Thành	3	3	12
66	Tổng cộng (I+II)	198	198	792

Cô Tô, ngày 02 tháng 11 năm 2023



Nguyễn Hải Phòng





CO LOU HUNG HANG

NO	NAME	AGE	SEX	RELATION	STATUS
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60

BẢNG KÊ DANH SÁCH HỌC SINH THAM GIA HỌC THÊM

- Căn cứ kế hoạch dạy thêm số 437/THPTCT ngày 20/9/2023 của trường THPT Cô Tô
- Biên bản họp cha mẹ học sinh (kèm theo)

TT	Lớp/Học sinh	Số tiết học/ tuần		Số tiết học/ tháng	Ghi chú
		Môn Anh	Tổng cộng		
1	2	4	$12=(3+...+11)$	$13=12*4$ tuần	13
*	Khối 12				
I	Lớp 12A	90	90	360	
1	Vũ Mai Ngọc Anh	3	3	12	
2	Nguyễn Thị Ánh	3	3	12	
3	Trần Thị Ngọc Ánh	3	3	12	
4	Nguyễn Thị Diễm	3	3	12	
5	Nguyễn Văn Hải	3	3	12	
6	Phạm Huy Hoàng	3	3	12	
7	Vũ Quốc Huy	3	3	12	
8	Phạm Thu Huyền	3	3	12	
9	Nguyễn Thị Hương Mơ	3	3	12	
10	Phạm Duy Nam	3	3	12	
11	Phạm Hồng Thái	3	3	12	
12	Phạm Thị Hoàng Yên	3	3	12	
13	Trần Trung Kiên	3	3	12	
14	Bùi Thị Lan Anh	3	3	12	
15	Bùi Thị Thùy Dương	3	3	12	
16	Nguyễn Thị Hậu	3	3	12	
17	Trần Lê Khuyên	3	3	12	
18	Nguyễn Thị Lam	3	3	12	
19	Nguyễn Hoài Thương	3	3	12	
20	Phạm Thị Thanh Vân	3	3	12	
21	Phạm Lan Anh	3	3	12	
22	Vũ Thị Vân Anh	3	3	12	



23	Phạm Thị Chi	3	3	12	
24	Nguyễn Thị Thanh Hoa	3	3	12	
25	Đỗ Phan Nhật Minh	3	3	12	
26	Nguyễn Hoàng Long	3	3	12	
27	Nguyễn Đức Tường Minh	3	3	12	
28	Nguyễn Thị Minh Thư	3	3	12	
29	Ngô Thị Hoài Thương	3	3	12	
30	Trịnh Huyền Trang	3	3	12	
TT	Lớp/Học sinh	Số tiết học/ tuần		Số tiết học/ tháng	Ghi chú
		Môn Anh	Tổng cộng		
1	2	4	$12=(3+...+11)$	$13=12*4$ tuần	13
II	Lớp 12 B	99	99	396	
1	Đỗ Đức Dương	3	3	12	
2	Vũ Minh Hiếu	3	3	12	
3	Lê Huy Hiệu	3	3	12	
4	Nguyễn Trường Huy	3	3	12	
5	Phạm Ngọc Huy	3	3	12	
6	Phạm Văn Lượng	3	3	12	
7	Nguyễn Thị Hoa Mai	3	3	12	
8	Bùi Trần Hải Phong	3	3	12	
9	Nguyễn Thị Thi	3	3	12	
10	Nguyễn Thị Thùy	3	3	12	
11	Nguyễn Hoàng Trung	3	3	12	
12	Nguyễn Xuân Bình	3	3	12	
13	Nguyễn Văn Công	3	3	12	
14	Nguyễn Thành Đạt	3	3	12	
15	Nguyễn Nam Khánh	3	3	12	
16	Vũ Văn Mạnh	3	3	12	
17	Lê Thị Trà My	3	3	12	
18	Nguyễn Văn Nam	3	3	12	
19	Đặng Thị Thùy	3	3	12	



20	Lê Quốc Toàn	3	3	12
21	Đình Văn Việt	3	3	12
22	Phạm Đăng Thuận	3	3	12
23	Đào Nguyễn Nguyệt Anh	3	3	12
24	Phan Hoàng Anh	3	3	12
25	Vũ Việt Tường Anh	3	3	12
26	Nguyễn Công Bình	3	3	12
27	Nguyễn Văn Huy	3	3	12
28	Bùi Minh Khang	3	3	12
29	Đặng Trường Khánh	3	3	12
30	Phạm Minh Quang	3	3	12
31	Nguyễn Văn Thành	3	3	12
32	Hoàng Thị Anh Thư	3	3	12
33	Nguyễn Thị Thương	3	3	12
63	Tổng cộng (I+II)	189	189	756

Cố Tô, ngày 02 tháng 11 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

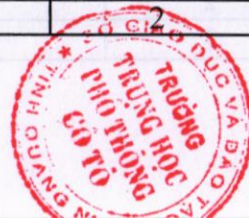
Nguyễn Hải Phòng



BẢNG KÊ DANH SÁCH HỌC SINH THAM GIA HỌC THÊM

- Căn cứ kế hoạch dạy thêm số 437/THPTCT ngày 20/9/2023 của trường THPT Cô Tô
- Biên bản họp cha mẹ học sinh (kèm theo)

TT	Lớp/Học sinh	Số tiết học/ tuần		Số tiết học/ tháng	Ghi chú
		Môn Sử	Tổng cộng		
1	2	4	$12=(3+...+11)$	$13=12*4$ tuần	13
*	Khối 12				
I	Lớp 12A	66	66	264	
1	Vũ Mai Ngọc Anh	2	2	8	
2	Trần Thị Ngọc Anh	2	2	8	
3	Nguyễn Thị Diễm	2	2	8	
4	Nguyễn Văn Hải	2	2	8	
5	Lê Thị Hiền	2	2	8	
6	Vũ Minh Hiếu	2	2	8	
7	Lê Huy Hiệu	2	2	8	
8	Nguyễn Trường Huy	2	2	8	
9	Phạm Ngọc Huy	2	2	8	
10	Vũ Quốc Huy	2	2	8	
11	Phạm Thu Huyền	2	2	8	
12	Phạm Văn Lương	2	2	8	
13	Nguyễn Thị Hoa Mai	2	2	8	
14	Nguyễn Thị Hương Mơ	2	2	8	
15	Bùi Trần Hải Phong	2	2	8	
16	Nguyễn Thị Thi	2	2	8	
17	Nguyễn Thị Thùy	2	2	8	
18	Nguyễn Hoàng Trung	2	2	8	
19	Phạm Thị Hoàng Yên	2	2	8	
20	Trần Trung Kiên	2	2	8	
21	Bùi Thị Lan Anh	2	2	8	



22	Nguyễn Hà Anh	2	2	8	
23	Nguyễn Thị Ngọc Anh	2	2	8	
24	Nguyễn Xuân Bình	2	2	8	
25	Nguyễn Văn Công	2	2	8	
26	Bùi Thị Thùy Dương	2	2	8	
27	Nguyễn Thành Đạt	2	2	8	
28	Lê Hương Giang	2	2	8	
29	Nguyễn Thị Hậu	2	2	8	
30	Nguyễn Nam Khánh	2	2	8	
31	Trần Lệ Khuyên	2	2	8	
32	Nguyễn Thị Lam	2	2	8	
33	Vũ Văn Mạnh	2	2	8	
TT	Lớp/Học sinh	Số tiết học/ tuần		Số tiết học/ tháng	Ghi chú
		Môn Sử	Tổng cộng		
1	2	4	$12=(3+...+11)$	$13=12*4$ tuần	13
II	Lớp 12 B	66	66	264	
1	Lê Thị Trà My	2	2	8	
2	Nguyễn Văn Nam	2	2	8	
3	Phạm Minh Quân	2	2	8	
4	Phạm Đức Tân	2	2	8	
5	Lê Thị Thanh Thảo	2	2	8	
6	Đặng Thị Thùy	2	2	8	
7	Nguyễn Hoài Thương	2	2	8	
8	Lê Quốc Toàn	2	2	8	
9	Phạm Thị Thanh Vân	2	2	8	
10	Nguyễn Ngọc Thư Vi	2	2	8	
11	Đình Văn Việt	2	2	8	
12	Phạm Đăng Thuận	2	2	8	
13	Nguyễn Thị Anh Mai	2	2	8	
14	Phan Hoàng Anh	2	2	8	
15	Phạm Lan Anh	2	2	8	
16	Nguyễn Công Bình	2	2	8	



17	Phạm Thị Chi	2	2	8
18	Võ Lê Quỳnh Chi	2	2	8
19	Nguyễn Thị Thanh Hoa	2	2	8
20	Nguyễn Văn Huy	2	2	8
21	Bùi Minh Khang	2	2	8
22	Đặng Trường Khánh	2	2	8
23	Nguyễn Hoàng Long	2	2	8
24	Đỗ Phan Nhật Minh	2	2	8
25	Ngô Yến Nhi	2	2	8
26	Phạm Minh Quang	2	2	8
27	Nguyễn Văn Thành	2	2	8
28	Lê Thị Thắm	2	2	8
29	Hoàng Thị Anh Thư	2	2	8
30	Nguyễn Thị Minh Thư	2	2	8
31	Ngô Thị Hoài Thương	2	2	8
32	Nguyễn Thị Thương	2	2	8
33	Trịnh Huyền Trang	2	2	8
66	Tổng cộng (I+II)	132	132	528

Cô Tô, ngày 02 tháng 11 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG
CƠ TÔ
TỈNH QUẢNG BÌNH
Nguyễn Hải Phòng



BẢNG KÊ DANH SÁCH HỌC SINH THAM GIA HỌC THÊM

- Căn cứ kế hoạch dạy thêm số 437/THPTCT ngày 20/9/2023 của trường THPT Cô Tô
- Biên bản họp cha mẹ học sinh (kèm theo)

TT	Lớp/Học sinh	Số tiết học/ tuần		Số tiết học/ tháng	Ghi chú
		Môn Địa	Tổng cộng		
1	2	4	$12=(3+...+11)$	$13=12*4$ tuần	13
*	Khối 12				
I	Lớp 12A	68	68	272	
1	Vũ Mai Ngọc Anh	2	2	8	
2	Nguyễn Thị Ánh	2	2	8	
3	Trần Thị Ngọc Anh	2	2	8	
4	Nguyễn Thị Diễm	2	2	8	
5	Nguyễn Văn Hải	2	2	8	
6	Lê Thị Hiền	2	2	8	
7	Vũ Minh Hiếu	2	2	8	
8	Lê Huy Hiệu	2	2	8	
9	Nguyễn Trường Huy	2	2	8	
10	Phạm Ngọc Huy	2	2	8	
11	Vũ Quốc Huy	2	2	8	
12	Phạm Thu Huyền	2	2	8	
13	Lê Quỳnh Lâm	2	2	8	
14	Phạm Văn Lượng	2	2	8	
15	Nguyễn Thị Hoa Mai	2	2	8	
16	Nguyễn Thị Hương Mơ	2	2	8	
17	Bùi Trần Hải Phong	2	2	8	
18	Nguyễn Thị Thi	2	2	8	
19	Nguyễn Thị Thủy	2	2	8	
20	Nguyễn Hoàng Trung	2	2	8	
21	Phạm Thị Hoàng Yên	2	2	8	



22	Trần Trung Kiên	2	2	8	
23	Bùi Thị Lan Anh	2	2	8	
24	Nguyễn Hà Anh	2	2	8	
25	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2	2	8	
26	Nguyễn Xuân Bình	2	2	8	
27	Nguyễn Văn Công	2	2	8	
28	Bùi Thị Thùy Dương	2	2	8	
29	Nguyễn Thành Đạt	2	2	8	
30	Lê Hương Giang	2	2	8	
31	Nguyễn Thị Hậu	2	2	8	
32	Nguyễn Nam Khánh	2	2	8	
33	Trần Lệ Khuyên	2	2	8	
34	Nguyễn Thị Lam	2	2	8	
TT	Lớp/Học sinh	Số tiết học/ tuần		Số tiết học/ tháng	Ghi chú
		Môn Địa	Tổng cộng		
I	2	4	$12=(3+...+11)$	$13=12*4$ tuần	13
II	Lớp 12 B	68	68	272	
1	Vũ Văn Mạnh	2	2	8	
2	Lê Thị Trà My	2	2	8	
3	Nguyễn Văn Nam	2	2	8	
4	Phạm Minh Quân	2	2	8	
5	Phạm Đức Tân	2	2	8	
6	Lê Thị Thanh Thảo	2	2	8	
7	Đặng Thị Thùy	2	2	8	
8	Nguyễn Hoài Thương	2	2	8	
9	Lê Quốc Toàn	2	2	8	
10	Phạm Thị Thanh Vân	2	2	8	
11	Nguyễn Ngọc Thư Vi	2	2	8	
12	Đình Văn Việt	2	2	8	
13	Phạm Đăng Thuận	2	2	8	
14	Nguyễn Thị Anh Mai	2	2	8	
15	Phan Hoàng Anh	2	2	8	



16	Phạm Lan Anh	2	2	8
17	Nguyễn Công Bình	2	2	8
18	Phạm Thị Chi	2	2	8
19	Võ Lê Quỳnh Chi	2	2	8
20	Nguyễn Thị Thanh Hoa	2	2	8
21	Nguyễn Văn Huy	2	2	8
22	Bùi Minh Khang	2	2	8
23	Đặng Trường Khánh	2	2	8
24	Nguyễn Hoàng Long	2	2	8
25	Đỗ Phan Nhật Minh	2	2	8
26	Ngô Yến Nhi	2	2	8
27	Phạm Minh Quang	2	2	8
28	Nguyễn Văn Thành	2	2	8
29	Lê Thị Thắm	2	2	8
30	Hoàng Thị Anh Thư	2	2	8
31	Nguyễn Thị Minh Thư	2	2	8
32	Ngô Thị Hoài Thương	2	2	8
33	Nguyễn Thị Thương	2	2	8
34	Trịnh Huyền Trang	2	2	8
68	Tổng cộng (I+II)	136	136	544

Cô Tô, ngày 02 tháng 11 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hải Phòng



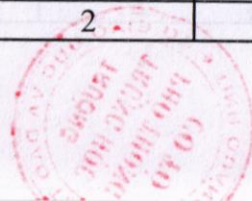
BẢNG KÊ DANH SÁCH HỌC SINH THAM GIA HỌC THÊM

- Căn cứ kế hoạch dạy thêm số 437/THPTCT ngày 20/9/2023 của trường THPT Cô Tô
- Biên bản họp cha mẹ học sinh (kèm theo)

TT	Lớp/Học sinh	Số tiết học/ tuần		Số tiết học/ tháng	Ghi chú
		Môn GDCD	Tổng cộng		
1	2	4	$12=(3+...+11)$	$13=12*4$ tuần	13
*	Khối 12				
I	Lớp 12A	66	66	264	
1	Vũ Mai Ngọc Anh	2	2	8	
2	Trần Thị Ngọc Anh	2	2	8	
3	Nguyễn Thị Diễm	2	2	8	
4	Nguyễn Văn Hải	2	2	8	
5	Lê Thị Hiền	2	2	8	
6	Vũ Minh Hiếu	2	2	8	
7	Lê Huy Hiệu	2	2	8	
8	Nguyễn Trường Huy	2	2	8	
9	Phạm Ngọc Huy	2	2	8	
10	Vũ Quốc Huy	2	2	8	
11	Phạm Thu Huyền	2	2	8	
12	Phạm Văn Lượng	2	2	8	
13	Nguyễn Thị Hoa Mai	2	2	8	
14	Nguyễn Thị Hương Mơ	2	2	8	
15	Bùi Trần Hải Phong	2	2	8	
16	Nguyễn Thị Thi	2	2	8	
17	Nguyễn Thị Thủy	2	2	8	
18	Nguyễn Hoàng Trung	2	2	8	
19	Phạm Thị Hoàng Yên	2	2	8	
20	Trần Trung Kiên	2	2	8	
21	Bùi Thị Lan Anh	2	2	8	



22	Nguyễn Hà Anh	2	2	8	
23	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2	2	8	
24	Nguyễn Xuân Bình	2	2	8	
25	Nguyễn Văn Công	2	2	8	
26	Bùi Thị Thùy Dương	2	2	8	
27	Nguyễn Thành Đạt	2	2	8	
28	Lê Hương Giang	2	2	8	
29	Nguyễn Thị Hậu	2	2	8	
30	Nguyễn Nam Khánh	2	2	8	
31	Trần Lê Khuyên	2	2	8	
32	Nguyễn Thị Lam	2	2	8	
33	Vũ Văn Mạnh	2	2	8	
TT	Lớp/Học sinh	Số tiết học/ tuần		Số tiết học/ tháng	Ghi chú
		Môn GDCD	Tổng cộng		
1	2	4	$12=(3+...+11)$	$13=12*4$ tuần	13
II	Lớp 12 B	66	66	264	
1	Lê Thị Trà My	2	2	8	
2	Nguyễn Văn Nam	2	2	8	
3	Phạm Minh Quân	2	2	8	
4	Phạm Đức Tân	2	2	8	
5	Lê Thị Thanh Thảo	2	2	8	
6	Đặng Thị Thùy	2	2	8	
7	Nguyễn Hoài Thương	2	2	8	
8	Lê Quốc Toàn	2	2	8	
9	Phạm Thị Thanh Vân	2	2	8	
10	Nguyễn Ngọc Thư Vi	2	2	8	
11	Đình Văn Việt	2	2	8	
12	Phạm Đăng Thuận	2	2	8	
13	Nguyễn Thị Anh Mai	2	2	8	
14	Phan Hoàng Anh	2	2	8	
15	Phạm Lan Anh	2	2	8	
16	Nguyễn Công Bình	2	2	8	



17	Phạm Thị Chi	2	2	8
18	Võ Lê Quỳnh Chi	2	2	8
19	Nguyễn Thị Thanh Hoa	2	2	8
20	Nguyễn Văn Huy	2	2	8
21	Bùi Minh Khang	2	2	8
22	Đặng Trường Khánh	2	2	8
23	Nguyễn Hoàng Long	2	2	8
24	Đỗ Phan Nhật Minh	2	2	8
25	Ngô Yến Nhi	2	2	8
26	Phạm Minh Quang	2	2	8
27	Nguyễn Văn Thành	2	2	8
28	Lê Thị Thắm	2	2	8
29	Hoàng Thị Anh Thư	2	2	8
30	Nguyễn Thị Minh Thư	2	2	8
31	Ngô Thị Hoài Thương	2	2	8
32	Nguyễn Thị Thương	2	2	8
33	Trịnh Huyền Trang	2	2	8
66	Tổng cộng (I+II)	132	132	528

Cô Tô, ngày 02 tháng 11 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG
CÔ TÔ
TỈNH QUẢNG NINH
Nguyễn Hải Phòng



MINISTRY OF EDUCATION, YOUTH AND SPORTS

2018

Sl. No.	Name of Candidate	Grade	Score
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

Phụ lục số 4.2

BẢNG KÊ SỔ TIẾT DẠY THÊM CỦA GIÁO VIÊN



- Căn cứ kế hoạch dạy thêm số 437/KH-THPTCT ngày 20/9/2023 của trường THPT Cô Tô

TT	Khối lớp/Môn học	Số học sinh đăng ký tham gia học thêm	Số học sinh/lớp	Số lớp	Số buổi học / tháng	Số giờ dạy/ tháng	Tổng số giờ dạy/ tháng	Ghi chú (số tháng và số giờ dạy)
1	2	3	4	5=3/4	6	7=6*3 giờ dạy	8=7*5	7
Khối lớp 12: Giai đoạn 31/10/2022-21/6/2022: 28 tuần								
1	Toán	43	43	1	4	10,292	10,29	7 tháng x 10,29 giờ = 72,03 giờ
2	Văn	66	33	2	4	10,292	20,58	7 tháng x 20,58 giờ = 144,06 giờ
3	Anh	63	31,5	2	4	10,292	20,58	7 tháng x 20,58 giờ = 144,06 giờ
Cộng							51,45	7 tháng x 51,45 giờ = 360,15 giờ
Khối lớp 12: Giai đoạn 01/01/2022-21/6/2022: 20 tuần								
4	Địa	68	34	2	4	8,4	16,8	5 tháng x 16,8 giờ = 84 giờ
5	Sử	66	33	2	4	8,4	16,8	5 tháng x 16,8 giờ = 84 giờ
6	GDCD	66	33	2	4	8,4	16,8	5 tháng x 16,8 giờ = 84 giờ
7	Hóa							
8	Lý							
9	Sinh							
Cộng							50,4	5 tháng x 50,4 giờ = 252 giờ
Tổng cộng							101,85	612,15 giờ



Phụ lục số 4.1

ĐƠN GIÁ TIỀN LƯƠNG 1 GIỜ DẠY THÊM CỦA GIÁO VIÊN

TT	Họ và tên	Môn học	Hệ số lương, phụ cấp									Tổng tiền lương của 12 tháng trong năm học	Tiền lương 1 giờ dạy	Tiền lương 01 giờ dạy thêm	Ghi chú
			Hệ số lương	PC vượt khung	PC chức vụ	PC đăng	PC Khu vực	PC thâm niên	PC đặc biệt	PC ưu đãi	Tổng hệ số				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=4+...9	11=10* 1.490.000*12	12=(11/Định mức giờ dạy/năm)*Số tuần dành cho giảng dạy /52 tuần	13=12*150 %			
1	Nguyễn Việt Thiện	Toán	3,33			0,7	0,37	1,00	1,17	6,56	141.713.280	151.644	227.466		
2	Nguyễn Văn Sơn	Văn	3,99			0,7	0,60	1,20	1,40	7,88	170.251.200	182.181	273.272		
3	Lý Thị Ngân	Anh	3,66			0,7	0,40	1,10	1,28	7,14	154.258.560	165.068	247.602		
4	Lê Ngọc Lâm	Địa	4,34		0,25	0,7	0,73	1,38	1,61	9,01	194.570.640	208.205	312.308		
5	Nguyễn Thị Cẩm La	Sử	3,66			0,7	0,44	1,10	1,28	7,18	155.049.120	165.914	248.871		
6	Trịnh Văn Sỹ	GDCD	4,34		0,15	0,7	0,67	1,35	1,57	8,78	189.691.200	202.984	304.476		
	Tổng cộng		23,32		0,40	4,20	3,21	7,12	8,30	46,55	1.005.534.000	1.075.996	1.613.995		
	Đơn giá bình quân 1 giờ dạy thêm/ 1 giáo viên												268.999		

Tiền lương giờ làm thêm quản lý dịch vụ, phục vụ dạy thêm học thêm



TT	HỌ VÀ TÊN	Cấp bậc chức vụ	Hệ số lương	Hệ số phụ cấp									Tổng cộng hệ số	Tổng tiền lương và phụ cấp	Số tiền làm việc trong ngày	Số tiền 01 giờ làm thêm	Chia bình quân	Ghi chú
				CV	PC đăng	KV	TN	Độc hại	Đặc biệt 30%	TN ngành	Ưu đãi 35%	Cộng PC						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	17=16/26 ngày	18=17/8 giờ* 150%	19	20	
1	Nguyễn Hải Phòng	Hiệu trưởng	5,02	0,45	0,30	0,7		1,641	1,258	1,9145	6,264	11,284	16.812.564	646.637	121.244	120.234		
2	Nguyễn Thị Vân	P.Hiệu Trưởng	5,02	0,35	0,30	0,7		1,611	1,235	1,8795	6,076	11,096	16.532.444	635.863	119.224			
3	Nguyễn Thị Thúy Phương	Thủ quỹ	3,46			0,7	0,2	1,038			1,938	5,398	8.043.020	309.347	58.003	67.670	làm việc ngày thường	
	Nguyễn Thị Thúy Phương	Thủ quỹ	3,46			0,7	0,2	1,038			1,938	5,398	8.043.020	309.347	77.337		làm việc ngày nghỉ	
4	Hoàng Lệ Dung	TPVP+K.toán	3,66	0,15		0,7	0,1	1,143			2,093	5,753	8.571.970	329.691	61.817	72.120	làm việc ngày thường	
	Hoàng Lệ Dung	TPVP+K.toán	3,66	0,15		0,7	0,1	1,143			2,093	5,753	8.571.970	329.691	82.423		làm việc ngày nghỉ	
5	Trần Thị Nhung	Y tế	3,26	0,25		0,7		1,053		0,702	2,705	5,965	8.887.850	341.840	64.095	64.095		
6	Lý Thị Thúy	GVCN	4,32			0,7		1,296	0,778	1,512	4,286	8,606	12.822.344	493.167	92.469	88.119		
7	Mai Việt Khôi	GVCN	4,34	0,15		0,7		1,347	0,674	1,5715	4,442	8,782	13.085.180	503.276	94.364			
8	Ngô Quang Thực	GVCN	3,66			0,7		1,098	0,476	1,281	3,555	7,215	10.750.052	413.464	77.524			
9	Bùi Đăng Khiêm	ANTT	3.250.000									3.250.000	3.250.000	125.000	23.438	23.438		
10	Ngô Văn Minh	ANTT	3.250.000									3.250.000	3.250.000	125.000	23.438			



11	Đầu Sỷ Na	ANTT	3.250.000									3.250.000	3.250.000	125.000	23.438		
	TỔNG CỘNG		39,86	1,50	7,0	0,2	12,41	4,42	8,861	35,389	75,249	112.120.414	4.312.324	848.501			

SỞ GD & ĐT QUẢNG NINH
TRƯỜNG THPT CÔ TÔ



**BẢNG DỰ TRÙ MUA SẴM PHỤC VỤ HỌC THÊM DẠY THÊM
NĂM HỌC 2023-2024**

STT	Tên hàng mua	Đơn vị tính	Số lượng	Giá tiền	Thành tiền	Ghi chú
1	Giấy vệ sinh (1 bịch: 10 cuộn)	Bịch	5	60.000	300.000	(3 lớp dùng bình quân 2 cuộn/ngày = 2 cuộn/ngày x 26 ngày)
2	Nước vim tẩy rửa	Chai	1	35.000	35.000	
3	Túi bóng đựng rác 5 kg	kg	1	40.000	40.000	
4	Nước lau sàn	Chai	1	35.000	35.000	
	Tổng cộng				410.000	

Sl. No.	Particulars	Unit	Quantity	Rate	Amount
1	...	Cum	1	22.40	22.40
2	...	Pz	1	10.00	10.00
3	...	Cum	1	12.00	12.00
4	1	80.00	80.00
5	1	200.00	200.00
6	1



RECEIVED BY THE DEPARTMENT OF PUBLIC WORKS, BANGALORE, KARNATAKA

...

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

Năm học 2023-2024

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học

- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 128 Học sinh

I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Tỷ lệ tối thiểu	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
				Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B		1	2	3	4=2*3	5	6=4*5	11
	Tổng cộng	100%						33.300.000	
1	Chi trả tiền công cho người trông giữ xe	80%	Đồng	1	2.300.000	2.300.000	9	20.700.000	?
2	Dụng cụ, vật tư phục vụ trông xe							1.303.200	Làm vé xe: 128 vé x 8.000đ = 1.024.000đ; Phân trắng: 3 hộp x 93.067 đ = 279.201đ
3	Chi cho cán bộ quản lý (người tham gia trực tiếp vào công tác này)							7.966.800	
	- Thủ quỹ		Giờ	1	67.670	67.670	9	609.030	
	- Kế toán		Giờ	3	72.120	216.360	9	1.947.240	
	- Lãnh đạo phụ trách		Giờ						
	+ Hiệu trưởng		Giờ	3	120.234	360.702	9	3.246.318	
	+ Phó Hiệu trưởng		Giờ	2	120.234	240.468	9	2.164.212	
4	Thuế	10%	%					3.330.000	

II Dự toán thu

TT	Nội dung	Tỷ lệ %	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi	100%	Đồng	33.300.000	
2	Tổng số học sinh tham gia				
	Số học sinh gửi xe đạp		HS	7	
	Số học sinh gửi xe máy		HS	121	
3	Mức thu 1 học sinh/ tháng/ xe máy		Đồng	30.000	Không vượt quá quy định
4	Mức thu 1 học sinh/ tháng/ xe đạp		Đồng	10.000	

Ghi chú:

Ban đại diện cha mẹ học sinh

Lê Thị Loan

Đại diện công đoàn nhà trường



Dương Thị Huyền Chiêm

Kế toán

Hoàng Lệ Dung

Hoàng Lệ Dung

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hải Phòng

STT	Mô tả chi tiết	Đơn vị tính		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Đơn vị	Đơn vị			
1	Chi phí nhân công	giờ	giờ	100	100.000	10.000.000
2	Chi phí vật tư	kg	kg	500	200.000	100.000.000
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	m ²	m ²	1000	100.000	100.000.000
4	Chi phí vận chuyển	km	km	2000	500.000	1.000.000.000
5	Chi phí quản lý chung	%	%	10	100.000.000	10.000.000.000
6	Chi phí khác	đ	đ	1000000	1000000	1.000.000.000
7	Chi phí lãi vay	%	%	10	100.000.000	10.000.000.000
8	Chi phí thuế GTGT đầu vào	%	%	10	100.000.000	10.000.000.000
9	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	%	%	20	200.000.000	20.000.000.000
10	Chi phí khác	đ	đ	1000000	1000000	1.000.000.000
11	Tổng cộng					230.000.000.000

STT	Mô tả chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí nhân công	giờ	100	100.000	10.000.000
2	Chi phí vật tư	kg	500	200.000	100.000.000
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	m ²	1000	100.000	100.000.000
4	Chi phí vận chuyển	km	2000	500.000	1.000.000.000
5	Chi phí quản lý chung	%	10	100.000.000	10.000.000.000
6	Chi phí khác	đ	1000000	1000000	1.000.000.000
7	Chi phí lãi vay	%	10	100.000.000	10.000.000.000
8	Chi phí thuế GTGT đầu vào	%	10	100.000.000	10.000.000.000
9	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	%	20	200.000.000	20.000.000.000
10	Chi phí khác	đ	1000000	1000000	1.000.000.000
11	Tổng cộng				230.000.000.000



M.T.

N.T.

Nguyễn Văn Tuấn

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỊCH VỤ NƯỚC UỐNG HỌC SINH

Năm học 2023-2024

- Căn cứ kế hoạch thực hiện các khoản thu, chi dịch vụ năm học 2023-2024
- Căn cứ các biên bản cuộc họp của Giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh từng lớp học

- Tổng số học sinh tham gia dịch vụ: 248 Học sinh

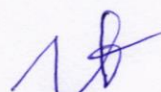
I. Dự toán chi

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số chi của 1 tháng			Số chi cả năm học		Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số tháng	Thành tiền	
A	B	I	2	3	4=2*3	5	6=4*5	II
I. Đối với cơ sở giáo dục mua nước uống								
Đối với học 01 buổi/ngày								
1	Mua nước uống (Thê tích 18,9 lít)	Bình	52	25.000	1.300.000	9	11.700.000	- Bình quân số lượng nước uống 01 học sinh/ buổi: 0,158 lít - Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ buổi: 4,2 lít - Bình quân số lượng nước uống 01 lớp/ tháng: 109,2 lít - Số lượng nước uống tổng các lớp/ tháng: 982,8 lít/tháng = 52 bình/tháng
2	Chi mua dụng cụ phục vụ						2.808.000	Giá đề bình nước: 9 lớp x 100.000đ x 2 kỳ = 1.800.000đ (Ngoài đảo nước mặn dễ bị han rỉ, hỏng) Cốc uống nước: 1 lớp 8 cái/kỳ x 9 lớp x 2 kỳ x 7.000đ/cái = 1.008.000 đ (Cốc thủy tinh cho đảm bảo ATVŠ)
3	Người phục vụ quản lý, cấp phát nước	Người	1	300.000	300.000	9	2.700.000	
Tổng cộng							17.208.000	
Đối với học 02 buổi/ngày								
(Tương tự như cách tính trên)								
Đối với cơ sở giáo dục đã được lắp hệ thống lọc nước								
1	Chi phí quan trắc/kiểm định							
2	Chi phí vật tư thay thế theo định kỳ và sửa chữa hệ thống lọc							
3	Điện	KW						
4	Nước sinh hoạt	M3						
5	Chi mua dụng cụ phục vụ							Giá để nước, ca, cốc
6	Người phục vụ quản lý, cấp phát nước							
Tổng cộng								

II Dự toán thu


TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng kinh phí chi	Đồng	17.208.000	
2	Tổng số học sinh toàn trường	Học sinh	248	
3	Tổng số tháng học	Tháng	9	
4	Số tiền thu học sinh/tháng (7=1/2/3)	Đồng	7.710	Không vượt quá quy định
Làm tròn		Đồng	8.000	

Ban đại diện cha mẹ học sinh



Lê Thị Loan



Đại diện công đoàn nhà trường


Dương Thị Huyền Chiêm

Kế toán


Hoàng Lệ Dung

Thu trưởng đơn vị


Nguyễn Hải Phòng



